

Mỗi Độ Tháng Tư Về

Lê Minh Ngọc

Hàng năm, cứ mỗi độ tháng tư về, là thiên hạ lại thấy xuất hiện trên báo chí và mạng lưới, những tin tức, hình ảnh liên quan đến biến cố tháng tư năm 1975. Năm nay, cuốn “Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên” của tác giả Phạm Huân bỗng được thấy đặc biệt chiếu cố, khai thác đều trên các mạng lưới. Và tên tuổi Phạm Huân được đặc biệt nhắc nhở, đề cao. Một nét đặc biệt hơn nữa: đến những chữ nghĩa trong cuốn “Đại Thắng Mùa Xuân” của răng-đen-mã-tấu Văn Tiên Dũng, cũng được trang trọng trưng bày, xen kẽ với chữ nghĩa của Phạm Huân! .. Lý do tại sao, xin dành quyền thẩm định phê phán khách quan lại cho quý độc giả, sau khi đọc xong bài viết nhỏ bé này.

Khoan thai mà nhận diện tin tức, chúng ta thấy có hai phần khác nhau:

Phần 1 là những trích dẫn từ ngay trong chính cuốn “Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên” của tác giả Phạm Huân. Và phần 2, là những bài viết khác, nhưng cũng nhằm vào một hướng: mạt sát Miền Nam Việt Nam ngày trước!

Hãy bắt đầu bằng những trích dẫn từ ngay trong cuốn “Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên”.

Trong phần này, trên nhiều mạng lưới, thấy có trích ra nhiều đoạn, mô tả nhiều diễn tiến dồn dập, ào ạt, nóng bỏng. Trong dòng diễn tiến cuồn cuộn đó, có một đoạn trích dẫn “bắt mắt” tôi nhất. Bắt mắt tôi, vì cường độ chữ nghĩa của tác giả cũng có, và vì giá trị xác tín của nguồn tin cũng có.

Xin chép lại nguyên văn đoạn này:

“Lữ đoàn 3 Nhảy Dù tặng phái cho Mặt trận Khánh Dương, buông súng trưa ngày 1/4/1975, sau khi vỡ tuyến, bị tràn ngập, và không còn được tiếp tế, liên lạc được với quân đoàn II. Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù bị tổn thất 70% lực lượng. Đó là thực trạng và tinh thần chiến đấu của các đơn vị chủ lực Quân Đoàn II, và Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù trong những ngày sau cùng trên chiến trường Cao Nguyên. Pleiku, Kontum, Nha Trang: Chưa đánh đã bỏ chạy! Đúng!”



Nếu là người dung nước lã, đọc thoáng qua, chắc tôi cũng chỉ dừng dung đọc tiếp. Nhưng riêng tôi, không là người dung nước lã với LD3ND. Tôi đã có những tháng năm phục vụ trong đơn vị này. Sự thật không phải như vậy. Hoàn toàn không.

Nhân đây, tôi cố gắng trình bày lại, hầu quý độc giả, tất cả những diễn tiến, mà các đơn vị Nhảy Dù Việt Nam có tham dự trong những tháng ngày cuối cùng của cuộc chiến. Trước khi mở xẻ đoạn văn của Phạm Huân trên đây, tôi xin thưa trước một điều.

Vì nhu cầu trình bày mạch lạc tin tức dữ kiện, để Quý Vị dễ theo dõi, sẽ có đôi lúc tôi phải viết lên liên hệ của cá nhân tôi với các đơn vị này. Xin đừng hiểu lầm, là người viết muốn nói về “cái tôi” của mình.

Trong biển lửa mênh mông và cường độ khốc liệt của cuộc chiến bất hạnh đó, tôi nghĩ, và tôi chắc rằng, mỗi chúng ta chưa đáng là con đom đóm. Từ các cấp lãnh đạo, chỉ huy của Việt Nam, cho đến cả Đại Sứ Mérillon của Pháp, ngay cả chính Đại sứ Graham Martin của Mỹ, cũng chỉ là nạn nhân,

phục vụ cho quyền lợi kinh tế và chiến lược tối thượng của Hoa Kỳ và Trung Cộng. Ra hải ngoại này, “cái tôi” là điều mà đại đa số quý vị độc giả, trong đó có chính tôi, đã quá kinh tởm, trong rừng lúc nhúc các “bút ký chán chường”!

Trọn năm 1973, tôi là Lữ Đoàn Phó LĐ này, hành quân vùng “Động Ông Đò” ở Quảng Trị. Đụng chạm suốt năm, nhiều kỷ niệm mồ hôi xương máu, ký ức còn nóng hổi như mới ngày hôm qua.

Tháng giêng năm 1974, Bộ Tư Lệnh Nhảy Dù bổ nhiệm tôi làm Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù, thay thế Đại Tá Nguyễn Thu Lương (K4TĐ).

LĐ2ND ở lại bắc Quảng Trị, trách nhiệm vùng khoảng phía tây Phong Điền - La Vang, dưới sự phối hợp và kiểm soát hành quân của Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, Tư Lệnh TQLC. Còn lại, SĐND (-) được Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Quân Đoàn I điều động về nam đèo Hải Vân để giúp trấn giữ Đà Nẵng.

Hòa Đàm Ba-Lê kết thúc ngày 27 tháng giêng năm 1973: Henry Kissinger và Lê Đức Thọ được giải “Nobel Hòa Bình” sau đó, là bản án bức tử cho “đồng minh” Nam Việt Nam, vì quyền lợi chính trị và chiến lược của chính “đồng minh” Hoa Kỳ! Cộng sản Hà Nội không còn có nhu cầu nhắm chiếm Huế để làm “thủ đô” cho Nguyễn Hữu Thọ và Nguyễn Thị Bình nữa. Họ dồn áp lực tối đa vào Đà Nẵng và Ban Mê Thuột, và mục tiêu tối hậu là ... Sài Gòn.

Sau đúng 1 năm ở lại Quảng Trị, tháng 12 năm 1974, tôi bắt đầu lại được Chuẩn Tướng Lê Quang Lưỡng, Tư Lệnh Dù sau cùng, cho lệnh tôi bàn giao LĐ2ND ngược lại cho Đ/Tá Nguyễn Thu Lương.

Tôi trở về Bộ Tư Lệnh/Phòng 3 Hành Quân (ở Non Nước, Đà Nẵng) nhận lệnh mới. Tiễn tôi ra trực thăng chỉ huy, là “Moshe Dayan” Tr/Tá Lữ Đoàn Phó Trần Văn Sơn (K9TĐ). Anh em Dù gọi Sơn như vậy, vì Sơn đã bị thương mất một mắt, ngày còn là Đại Đội Trưởng ở TĐ5ND, nhưng vẫn tình nguyện ở lại với đơn vị.

Tại căn cứ Non Nước, công việc của tôi hằng ngày, là bay đi kiểm soát phần huấn luyện của các đơn vị Nhảy Dù “Đa Năng”. Đây là những trung đội và đại đội, được rút ra từ 6 tiểu đoàn Nhảy Dù cũ đang tham chiến trong vùng Thường Đức và Đại Lộc, phía tây Đà Nẵng, thuộc các LĐ1ND (Tr/Tá Nguyễn Văn Đình K15VB) và LĐ3ND (Đ/Tá Lê Văn Phát). Khi tôi còn trách nhiệm LĐ2ND tại bắc Hải Vân trong năm 1974, chính tôi cũng nhận được lệnh rút các trung đội và đại đội từ các tiểu đoàn cơ hữu của tôi (TĐ5, 7 và 11ND), gởi đi huấn luyện “Đa Năng”.

Địa điểm huấn luyện nằm ngay trong vùng trách nhiệm hành quân của LĐ3ND, phía tây Đà Nẵng, nên tôi gặp “Bố Già” Phát rất thường xuyên. Các đơn vị huấn luyện, đi “búng chốt” ban ngày, và chạm địch ban đêm như cơm bữa.

Hạ tuần tháng giêng năm 1975, tôi được lệnh Chuẩn tướng LQ Lưỡng, đưa “Lữ Đoàn 4 Nhảy Dù”, đơn vị có cái tên mới cáo cảnh, về Sài Gòn nhận lệnh Bộ Tổng Tham Mưu (vì Bộ Tư Lệnh/SĐND còn ở Đà Nẵng).

Khi kéo quân ra khỏi vùng hành quân của LĐ3ND, tôi hỏi “Bố Già” Phát:

“Đ/Tá Lương đang ở đây, sao ông Tướng không để Đ/Tá Lương đi, mà kéo tới kéo lui chỉ rắc rối vậy, Đại Tá có biết không?”

Tôi hỏi vậy, vì các tướng Bùi Thế Lân, tướng Lê Quang Lưỡng, tướng Ngô Quang Trưởng, và hai ông đại tá này là bạn cùng K4TĐ với nhau. Giọng Bố Già Phát bỗng nghiêm trọng hơn thường ngày:

“Ở đây nặng, nhưng đơn giản. Chỉ có thằng Việt cộng trước mặt thôi. Mấy năm nay, TQLC và Dù không được về Sài Gòn. Về đó, Ngọc nhớ phải thận trọng mọi mặt...”

Sáng ngày 20 tháng giêng năm 1975, tôi đang ngồi trên xe Jeep tại bến tàu Đà Nẵng để xem các Tiểu đoàn chuyên quân xuống chiến hạm của HQVN để về Vũng Tàu, thì Chuẩn Tướng Lưỡng đến nơi bằng xe. Ông hỏi diễn tiến công việc

ra sao. Tôi trình bày vấn đề, là sông sẽ như kế hoạch. Và nhân đó, có hỏi “mi mí” ông tướng, xem nhiệm vụ của tôi ở Sài Gòn trong vài ngày sắp tới, đại khái như thế nào.

Tướng LQ Lương dăm chiêu:

*“Đánh rắn, phải đánh giập đầu. Đánh lẽ phải có Tổng Trì Bị bảo vệ Biệt Khu Thủ Đô và Tổng Tham Mưu từ sớm hơn, như hồi Mậu Thân vậy. Anh về đó, tình hình sẽ không nhẹ nhàng gì hơn ngoài này đâu. Khác với các Lữ Đoàn còn lại đây, là tình hình có thể đột biến bất ngờ, mà anh chỉ có một mình. Ngoài việc điều binh ra, anh phải cảnh giác luôn luôn, báo cáo chặt chẽ với tôi. **Trường hợp thật đặc biệt, phải có lệnh của tôi**”.*

Ông Tướng không nói rõ, nhưng tôi đã hiểu mi mí, qua câu nói của ông anh “Bố Già” Lê Văn Phát. Dĩ nhiên, chuyện loại này, chả ông nào nói rõ trước cả. May quá, thời cuộc không xoay chuyển về hướng đó. Sau này, đọc hồi ký của Tướng Lê Quang Lương ở hải ngoại, mới thấy ông nói rõ hơn.

Và ông tướng vội vã ra đi, trước khi bảo tôi giao cho các Tiểu Đoàn Trưởng đôn đốc việc hải hành. Còn tôi, thì ra ngay phi trường, đã có nhân viên Bộ Tư Lệnh/Phòng Tư lo phương tiện C-130 bay về trước, trình diện Bộ Tổng Tham Mưu nhận lệnh.

Tôi ghi lại đoạn này, để quý độc giả theo dõi mạch lạc hơn, vì trong những biến cố sau cùng, các Lữ 2ND và Lữ 4ND vừa kể, lại sẽ còn dính líu đến hoạt động của Lữ 3ND, đơn vị đã bị Phạm Huân khai tử trước, trong cuốn “Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên”, trước khi lịch sử của cuộc chiến tranh lạnh thế kỷ thứ 20 bức tử Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sau đó.

Tôi rời Bố Già Phát, nhưng không phải vì thế mà tôi “mất đầu” Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù.

Tình hình điều động và tham chiến của các Lữ Đoàn và Tiểu Đoàn bạn trong binh chủng, đều được ban tham mưu Lữ Đoàn thuyết trình hằng ngày. Sau nhiều trận chạm địch, các tiểu đoàn được hoán chuyển, để binh sĩ được về thăm gia đình,

đơn vị được bổ sung và chinh bị. Cho nên tại vùng hành quân, ít khi các Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn có được đủ mặt các tiểu đoàn cơ hữu của mình.

Thường thì mỗi Lữ Đoàn Nhảy Dù tham dự hành quân với 3 Tiểu đoàn tác chiến, một Tiểu đoàn Pháo Binh ND, một Đại đội Công Binh ND, một Đại đội Truyền Tin ND, một Đại đội Quân Y ND, một đại đội Trinh sát ND, và Đại đội Chỉ Huy Công Vụ (các ban tham mưu Lữ Đoàn, quân cảnh, an ninh, súng cối ...).

Đúng 2 tháng sau khi tôi rời Vùng I Chiến Thuật, thì SĐND cũng được Bộ TTM điều động về Sài Gòn. Lữ 3ND xuống tàu Hải Quân, rời Đà Nẵng ngày 15 tháng 3. Đang lệnh đênh trên biển, thì được lệnh tấp vào Cầu Đá Nha Trang: Lữ 3ND được tăng phái cho Quân Đoàn II, theo đơn xin của Thiếu Tướng Tư Lệnh Phạm Văn Phú. Bộ Tư Lệnh/SĐND cùng các Lữ Đoàn 1 và 2 tiếp tục hải hành về hướng nam.

Đ/Tá Lê Văn Phát được lệnh di quân gấp lên đèo Khánh Dương, lập phòng tuyến. Nhiệm vụ là: trì hoãn trực tiến của các đơn vị cộng quân, bọc hậu cho các đơn vị bạn trong vùng giao phó. Sau khi Ban Mê Thuật thất thủ, lực lượng cộng quân ào ạt trên các trục đồng tiến này, gồm có các sư đoàn F10, 316 và 320 CSBV.

Trục địch quân đi ngay vào tuyến án ngữ của Lữ 3ND trên đèo Khánh Dương, chính là Sư đoàn F10, cùng với một trung-đoàn chủ lực miền, và đặc công, giao liên. Tổng cộng đồng gấp 5 lần lực lượng của Nhảy Dù tại đây. Cộng quân có đầy đủ pháo yểm, trong khi Lữ 3ND chỉ có hỏa lực của 1 Tiểu Đoàn pháo binh 105 ly cơ hữu. Đó là tương quan lực lượng chính xác tại đèo Khánh Dương ngày 17/3/75.

Lúc bảy giờ Lữ 3ND của Bố Già Phát gồm có TĐ 2ND (Th/Tá Trần Công Hạnh K20VB), TĐ 5ND (Tr/Tá Bùi Quyền K16VB), và TĐ 6ND (Tr/Tá Nguyễn Văn Thành, K9TĐ). Th/Tá Nguyễn Ngọc Triệu là TĐT/TĐ 2 Pháo Binh/ND. Lữ Đoàn Phó là Tr/Tá Trần Đăng Khôi K16VB.

Quân Nhảy Dù giữ vững đèo Khánh Dương, chặn đứng Sư Đoàn F10 tại đây cho đến ngày 22 tháng 3. Sáng hôm đó, địch giảm cường độ tấn công, chỉ bám sát tuyến đang chạm, nhưng lại tung 2 trung đoàn đánh bọc hông. Đ/Tá Phát xin không yểm. Tướng Phú chấp thuận, nhưng lại không có phi tuần để thỏa mãn yêu cầu. Tướng Phú cho lệnh LĐ3ND tuân tự lui quân về nam, xa nhất là dừng lại Cam Ranh chờ lệnh.

Khi về ngang Huân Khu Dục Mỹ, Đ/Tá Phát có gặp Đ/Tá Nguyễn Hữu Toán, Chỉ Huy Trưởng Huân Khu Dục Mỹ và Đ/Tá BĐQ Nguyễn Văn Đại (K8VB), CHT/Trung Tâm Huân Luyện Biệt Động Quân.

Đ/Tá Phát ND cho Đ/Tá Nguyễn Văn Đại BĐQ biết về tình hình địch trước mặt, nói thẳng với Đ/Tá Đại hai điều. Một là, địch đông hơn mình nhiều lần, có đủ tiếp liệu và hỏa yểm hùng hậu. Còn mình thì đến hôm nay, khó còn trông cậy gì vào “ở trên” và “sau lưng” nữa. Đ/Tá Phát hỏi Đ/Tá Đại có phụ giúp được gì trong việc giữ an ninh trục lộ phía sau, dẫn về Ninh Hòa hay không, vì địch thế nào cũng bọc hông đặt chốt để gây khó khăn cho điều động chung của các đơn vị thuộc huân khu này. Đ/Tá Đại đồng ý, và gửi Viễn Tham BĐQ đi thi hành. Nhờ vậy, cuộc lui binh tại đây, thảm cảnh ở Quốc Lộ 7 đã không xảy ra.

LĐ3ND chưa về đến Cam Ranh. Ngày 30 tháng 3, mới về đến đèo Rù Rì, phía bắc Nha Trang, thì mất liên lạc với Bộ Tư Lệnh/QĐ II. Đ/Tá Phát không còn cách nào khác hơn, là phải liên lạc thẳng về BTL/SĐND ở Sài Gòn bằng máy GRC-106 để xin lệnh.

Lệnh của Tướng Lương cho LĐ3ND là trực chỉ phi trường Bửu Sơn Phan Rang, để phối hợp với Chuẩn Tướng Phạm Ngọc Sang - Tư Lệnh SĐ6KQ, tổ chức phòng thủ phi trường này, và tái lập an ninh trật tự tại hai thị xã Phan Rang và Tháp Chàm.

Ổn định vừa được Nhảy Dù phục hồi tại đây, thì Trung Ương cử Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi ra đến, đặt Bộ Tư Lệnh

nhẹ của Quân Đoàn III tại Bửu Sơn đúng ngày 1 tháng 4 năm 1975.

Trước mặt Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù vẫn còn cầm súng trên tay, và đang hiển hiện là niềm tin tưởng, là nỗi vững tâm của quân dân Tháp Chàm Phan Rang, của Tiểu Khu Ninh Thuận.

Vậy Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù nào chưa đánh, đã buông súng bỏ chạy, đầu hàng ???

Ngày 4 tháng 4, LĐ3ND được Tướng Lê Quang Lương cho thay thế bằng LĐ2ND, do Đ/Tá Nguyễn Thu Lương đưa ra Bửu Sơn bằng vận tải cơ C-130. Không Quân VN chuyển các Tiểu đoàn 3, 7 và 11 Nhảy Dù đến Bửu Sơn, và bốc các Tiểu đoàn 2, 5 và 6 Nhảy Dù về Tân Sơn Nhất.

Lập tức Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù được bổ sung và chỉnh bị nhanh chóng. Tr/Tá Trần Đăng Khôi được bổ nhiệm làm Lữ Đoàn Trưởng/LĐ3ND, thay thế Bồ Già Phát (lên Tham Mưu Phó Hành Quân BTL/SĐND).

Trở lại với Lữ Đoàn 4 Nhảy Dù tại Vùng III Chiến Thuật. Tôi từ Đà Nẵng bay C-130 về Sài Gòn ngày 20 tháng giêng 1975, trình diện Bộ Tổng Tham Mưu. Gặp Chuẩn Tướng Trần Đình Thọ, Trưởng Phòng 3. Ông ta hỏi tôi ngay về khả năng tham chiến của LĐ4ND.

Tôi thưa, có 2 tiểu đoàn sẵn sàng ngay, ba tiểu đoàn nữa (15, 16 và 18) sẽ về đến và sẵn sàng khoảng 2 tuần sau. Và tôi cũng không quên khai thật, là tôi chưa có hậu cứ, chưa có Lữ Đoàn Phó, nhất chưa có pháo binh Nhảy Dù cơ hữu như các Lữ Đoàn cũ.

Tướng Thọ vào đề:

“Tôi ghi nhận những điều đó. Bộ Tổng Tham Mưu sẽ phối hợp với hậu cứ Sư Đoàn Nhảy Dù lo tiếp cho anh. Bây giờ tình hình phía tây bắc Biệt Khu Thủ Đô nghiêm trọng. Địch đã vượt sông Vàm Cỏ, chiếm xã Lương Hòa. Vùng Đức Hòa Đức Huệ bị uy hiếp nặng

nề. Phải nhờ anh lên đó giúp họ ngay. Anh sang Phòng 2 nghe tình hình chi tiết vùng này. Tôi nhờ Phòng Tư lo phương tiện cho anh lên đó”.

Hai ngày sau, chiến hạm Hải Quân cập bến Saigon. Tôi hướng dẫn hai Tiểu Đoàn 12 và 14 ND về tạm trú tại sân cò của TD8ND trong căn cứ Hoàng Hoa Thám. Các Phòng sở của BTL/Hậu Cứ đến, nhanh chóng giúp đỡ các trang bị cần thiết. Tôi gọi các Tiểu Đoàn Trưởng đến, trải bản đồ ra, chỉ tình hình và mục tiêu.

Và tôi nhấn mạnh trang bị: bản đồ, điện trì, lựu đạn M-26 tối đa, phóng lựu M-79, và ống phóng M-72 (vì không có pháo binh, khi hữu sự, sẽ phải đánh như đơn vị khinh chiến).

Đoàn xe đến, Lữ Đoàn 4 Nhảy Dù “xuất hành” trận đầu tay, trực chỉ lên hướng Tây Ninh. Đến “Thành Ông Năm” (một trại Công Binh trên quốc lộ 1), xuống xe, lấy đội hình hướng về mục tiêu Vàm Cỏ Đông.

Quần thảo 2 ngày ven bờ con sông nổi tiếng, đầy lui được đầu cầu vেম về bên kia, tái chiếm được Lương Hòa, an ninh lại trực lộ. Trận đầu tay này, cũng như những lần chạm địch mấy tháng sau đó, Lữ Đoàn 4 Nhảy Dù đã “đánh khô”, vì không có pháo cối yểm trợ.

Hai Tiểu Đoàn 12 và 14ND bắt được rất nhiều vũ khí đạn dược, dọc theo dãy lùm bụi, ngay vùng đầu cầu mà địch vượt sông hai đêm trước, còn nguyên trong nhiều thùng gỗ bọc giấy dầu, bôi đầy mỡ bò màu vàng của Trung cộng: AK47, B-41, và “thượng liên nôi” mới toanh (hộp băng đạn bự và tròn).

Tôi cho Ban 2 và Ban 5 đi tìm, liên lạc với giới chức địa phương, để phối hợp việc an ninh, cứu trợ và bình định. Tưởng là ai, hóa ra người trai khôi lữa, lại là Th/Tá Tô Công Thất, cùng khóa 16 với tôi ở Đà Lạt !

Bắt tay bắt chân qua loa, hỏi cần gì không? M-79, M-26, Claymore? Tôi kêu đệ tử để hết các loại này lại, rồi bái biệt người trai khôi lữa, lội ngược ra quốc lộ, vì truyền tin báo có Chuẩn Tướng Trần Đình Thọ sắp lên Thành Ông Năm.

Tướng Thọ bắt tay tôi:

“Đơn vị anh không cần huấn luyện nữa. Vả lại, tình hình không cho phép”.

Và ông xia cho tôi một phóng đồ hành quân, cho đất đai làm ăn, án ngữ về hướng bắc và tây bắc thủ đô.

Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù vừa đặt chân đến hậu cứ khoảng giữa tháng 3/75, là liền được bổ sung, tái tiếp tế nhanh chóng. Và Tr/Tá Nguyễn Văn Đình được lệnh trực chỉ lên Xuân Lộc ngay, để tăng cường cho SĐ18BB. Theo dõi phần thuyết trình hằng ngày, tôi được biết TD8ND của Thanh Râu, tức Th/Tá Nguyễn Việt Thanh K19VB, đã làm ăn một trận để đời tại “Vườn cây Ông Ty”.

Trong tháng này, có Tr/Tá Nguyễn Đình Ngọc cầm công điện mang tay, về trình diện tại “Thành Ông Năm”. Nội dung công điện: “Chỉ định Tr/Tá ND Ngọc giữ chức vụ Phụ tá Hành Quân LD4ND. Quyết định hợp thức hóa Lữ Đoàn Phó sẽ theo sau”. Có ông này về, thật đỡ cho tôi quá. K19VB, nguyên TĐT/TĐ2ND ngày còn ở Động Ông Đô với LD3ND hai năm trước.

Giữa tháng 3, Biệt Khu Thủ Đô cũng có yêu cầu đến giúp Tiểu Khu Gia Định, giải tỏa xóm Cư Xá Thanh Đa (bị một đại đội đặc công xâm nhập), đến đầu cầu thương cảng xa lộ. Th/Tá Nguyễn Trọng Nhi K20VB được gọi đi với 2 đại đội của TD12ND, và đã thanh toán xong trong cùng ngày 22 tháng 3.

Ngày 10 tháng 4, tôi được gọi về họp ở Bộ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô. Tại đây, tôi gặp Tr/Tá Trần Đăng Khôi, Lữ Đoàn Trưởng LD3ND, cũng đến họp nhận lệnh.

Lữ Đoàn 3 ND được tăng cường hoạt động cho BKTD, thay thế LD4ND. Còn tôi được lệnh di quân LD4ND xuống tăng phái cho BTL/Quân Đoàn III, trách nhiệm khu vực từ Tam Hiệp, Biên Hòa, vắt qua sông Đồng Nai, hướng về Long Thành. Đây là lần sau cùng tôi gặp, lần cuối tôi thấy LD3ND

điều động đi thi hành một nhiệm vụ chiến thuật khác: bảo vệ khu kho xăng Nhà Bè, và an ninh trực thủy lộ Rừng Sát.

Tối 13 tháng 4, tôi được tin LĐ2ND chạm địch nặng nề tại Bửu Sơn Phan Rang. Lực lượng tấn công, vẫn là Sư Đoàn F-10, bị chặn khựng lại.

Ngày 15 tháng 4, Sư Đoàn 325 Cộng Sản Bắc Việt từ quốc lộ 11 tăng cường đến, cùng với đông đảo chiến xa và pháo nặng. Tối 16 rạng ngày 17, Đ/Tá Nguyễn Thu Lương và Tr/Tá Trần Văn Sơn bị báo cáo mất tích, cùng với Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi và Chuẩn Tướng Phạm Ngọc Sang KQ. Bửu Sơn thất thủ, tiếp theo là Tháp Chàm và Phan Rang!

Sau cùng, Lữ Đoàn 3 ND cũng đã buông súng, cùng với tất cả các đơn vị khác, khi hai ông Vũ Văn Mậu và Dương Văn Minh tuân tự cho lệnh buông súng chiều 29 và sáng 30 tháng 4 năm 1975.

Tôi không phải là người xa lạ đối với LĐ3ND. Mặc dù vậy, để đảm bảo sự chính xác của dữ kiện, tôi vẫn điện thoại kiểm chứng chi tiết kỹ lưỡng với những nhân vật trong cuộc, trước khi viết lại những diễn tiến cuối cùng của cuộc chiến, mà các đơn vị Nhảy Dù VN có can dự.

Tất cả vẫn còn đây, chỉ trừ có Chuẩn Tướng Phạm Ngọc Sang SĐ6KQ đã qua đời cách đây 3 năm, và “Moshe Dayan” Tr/Tá Trần Văn Sơn đã nằm xuống trong những năm tháng tù đày ngoài bắc.

Bây giờ, mời Quý Vị hãy nhìn lại câu chuyện, kể về cùng một đơn vị đó, trong cùng thời gian đó, bởi đại ký giả chiến trường Phạm Huân trong cuốn “Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên”, đã phổ biến khắp thế giới, để mà ngán ngẫm cho điều mà chính các ngài viết lách này, gọi là ... Lương Tâm Ngòi Bút ...

“Lữ đoàn 3 Nhảy Dù tăng phái cho Mặt trận Khánh Dương, buông súng trưa ngày 1/4/1975, sau khi võ tuyến, bị tràn ngập, và không còn được tiếp tế, liên lạc được với quân đoàn II. Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù bị tổn thất 70% lực lượng. Đó là thực trạng và tinh thần chiến đấu

của các đơn vị chủ lực Quân Đoàn II, và Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù trong những ngày sau cùng trên chiến trường Cao Nguyên. Pleiku, Kontum, Nha Trang: Chưa đánh đã bỏ chạy! Đúng!”....

Trong khi đó, chính Đ/Tá Nguyễn Văn Đại BĐQ, người cùng có mặt tại trận với LĐ3ND lúc bấy giờ, hiện đang cư ngụ tại Oregon, vừa nói điện thoại với tôi đêm qua:

“Tình hình đó, địa thế đó, nhiệm vụ đó, Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù đã làm quá sức mình. Và Đ/Tá Phát còn về ổn định lại Phan Rang Tháp Chàm, giúp tướng Phạm Ngọc Sang, tướng Nguyễn Vĩnh Nghi nữa, trước khi được thay thế ..”.

Đến tháng cuối cùng của chiến cuộc, tác giả Phạm Huân vẫn còn lĩnh lương Thiệu Tá của QLVNCH, sao lại có thể ăn nói khinh bạc đến vậy? Đành rằng, chung cuộc vẫn là sự sụp đổ của Miền Nam Việt Nam, nhưng vẫn phải xin để cho, sự thật còn được là sự thật ...!!!

Chỉ trong một đoạn viết ngắn khoảng nửa trang giấy, tác giả đã đề cập đến diễn tiến và số phận của mấy chục đơn vị, một cách ngắn gọn, dễ dàng và tàn nhẫn, thăm sát hết: “Từ các trung đoàn 41, 42, 47 Bộ Binh, mấy Liên đoàn BĐQ, Lữ đoàn 2 Thiết kỵ, Liên đoàn 6 Công Binh Chiến Đấu, các đơn vị Pháo Binh, đến các đơn vị Lôi Hồ, Thám kích và LĐ3ND”.

Đơn vị Nhảy Dù này, sự thật ra sao, tôi là người trong cuộc, đã vừa thưa cùng Quý Vị.

Từ sau ngày rời Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, tôi về trình diện Liên Đoàn Nhảy Dù Việt Nam. Và tuân tự phục vụ qua các TĐ3ND, TĐ7ND, LĐ3ND, LĐ2ND, LĐ4ND. Tôi chưa hề được gặp gỡ ký giả chiến trường Phạm Huân lần nào. Chỉ thỉnh thoảng đọc sách báo, thấy hình ông ta mặc quân phục Nhảy Dù!

Còn mấy chục đơn vị khác, mà Phạm Huân nêu tên ra trên đây, thì sao? Tôi không rõ là Phạm Huân hiểu biết thế nào về các đơn vị đó. Và càng không biết, các đơn vị đó, có được

Phạm Huấn đến thăm viếng lần nào chưa. Nhưng khi trên giấy trắng mực đen, Phạm Huấn đã viết truyện chiến trường như đoạn viết về LD3ND trên đây, thì nếu người đời họ có chọn cuốn “Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975”, để sắp chung với cuốn “Đại Thắng Mùa Xuân” của Văn Tiến Dũng, cũng là điều hiểu được mà thôi!

Thiếu Tá Phạm Huấn suốt đời ở thiên cung, mới trở thành tiên đọa xuống trần-gian Quân Khu II, chỉ vài tháng trước cuộc dầu sôi lửa bỏng, làm sao nắm vững được từng ấy tin tức dữ kiện? Rừng dữ kiện này, nếu được trình bày bởi các vị Đại Tá, chức vụ tối thiểu từ Trưởng Phòng Nhì, Trưởng Phòng 3 Quân Đoàn trở lên, thì may ra mới khả tín ...

Chưa chất chưa chịu dừng lại tại đó.

Mãi đến nay, vài chục năm sau, tại hải ngoại, vẫn có những nhà văn, nhà báo, viết theo, lên án gắt gao tất cả, từ lãnh đạo đến thứ dân, từ tướng xuống quân! Và khô hài đen ở chỗ là, hầu hết đều nhập đề bằng câu: “*Có đọc Phạm Huấn, chúng ta mới thấy ..*”, hoặc là: “*Cuốn Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên của tác giả Phạm Huấn đã phơi bày ra tất cả “sự thật...”!*”

Với các ông gọi là nhà báo, nhà bình luận này, chữ nghĩa câu thả trên đây của Phạm Huấn, đã trở thành chữ nghĩa của thánh kinh! Rồi tất cả những văn chương, tư tưởng siêu việt này, rốt cuộc hội tụ về một đoạn tiểu sử, được phổ biến rộng rãi trên khắp các mạng lưới toàn cầu.

Xin chép lại nguyên văn, để Quý Vị thưởng lãm:

“Phạm Huấn là một nhà báo quân đội và trong “Bộ Biên Tập Điều Hâu”, Thành viên Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên và 2 Bên, đặc trách về Báo Chí, khi Hiệp Định Paris 1973 được ký kết, Chủ tịch Hội Phóng Viên Chiến Tranh Việt Nam, 1972-1975.

Tác giả đã theo học ... Trường Đại Học Quân Sự năm 1963. Và cả Trường Quân sự tại Hoa Kỳ: Infantry School (Fort Benning, GA, 1958), Civil Affairs School

(Fort Gordon, GA) và Special Warfare School (Fort Bragg, NC, 1965).

Trong nghề phóng viên chiến tranh, Phạm Huấn có một chỗ đứng riêng biệt, dù đi chung với những phóng viên nổi tiếng hàng đầu của thế giới như Moshe Dayan, Dickey Chapel, hay chỉ đi có một mình, bao giờ anh cũng được đón nhận nồng nhiệt của mọi chiến hữu ở ngoài mặt trận ... ”.

Đọc qua đoạn trên, quý vị có thấy độc giả bị coi thường quá hay không?

Cùng một “văn phong” này, tôi nhớ đã được đọc đâu đó vài lần.

Lần đầu, năm 2005 thì phải. Anh Bùi Đăng, bạn cùng Khóa 16 Đalạt với tôi, ở San Jose bắc Cali, gọi cho tôi nguyên một trang nhật báo Việt Ngữ khổ lớn. Nguyên trang báo, là bài Phân Ưu **Trung Tá Phạm Huấn**. Với nửa trang trên, đầy đủ sự nghiệp vĩ đại của người năm xuống. Toàn là các khóa du học ngoại quốc, và các việc văn phòng. Anh Phạm Huấn quả đã được Quân đội đãi ngộ, ưu ái, và đầu tư vào kỹ hơn ai hết.

Và nửa trang dưới, đầy đủ tên tuổi quân nhân Nhảy Dù, từ Đại Tướng Cao Văn Viên, Trung Tướng Nguyễn Chánh Thi ... cho đến em út cấp úy, trong đó có tên tôi. Cầm tờ báo, tôi mới hay tin ông anh qua đời vì bạo bệnh.

Anh bạn Bùi Đăng gọi báo cho tôi, không họ Bùi, mà cũng chẳng tên Đăng. Mùa hè 1972, anh dẫn TĐ6ND nhảy xuống Đồi Gió Bình Long, mở đường máu vào cứu An Lộc. Bị trận địa pháo, Phạm Kim Bằng bỏ lại Đồi Gió một con mắt, đi vào An Lộc với một con. Trở thành Bằng dui, nhưng Bùi Đăng không chịu rời tiểu đoàn tác chiến Nhảy Dù.

Đầu năm 2007, Trung Tướng Ngô Quang Trưởng lại ra đi.

Trên Internet và báo chí, liền ngay dưới sự nghiệp của Trung Tướng Trưởng, lại có hàng chữ: “tài liệu của **Đại Tá Phạm Huấn**, Chủ Tịch Hiệp Hội Ký Giả Chiến Trường”(!).

Ông lòi tì nào đó ơi, “văn phong” này nặng mùi lắm, xin ông đừng tay lại, đừng đem tên tuổi của ông anh mình ra mà điếu dờ. Cấp bậc, thì ai cho bằng Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ và Đại Tướng Nguyễn Khánh. Chức vụ, thì ai sánh nổi với Quốc Trưởng Nguyễn Khánh và Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ! Có thơm tho chi đâu. Phải nói ngay từ bây giờ, kéo nay mai, có một vì sao sáng nào khác rơi rụng, ông lòi tì lại lòi ông anh Phạm Huấn đây, mà truy thăng lên Chuân Tướng! Tội nghiệp cho ông anh.

Ông anh đã và đang sám hối về cuốn “Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên” dưới kia. Khó ăn, khó ở khi “hội ngộ” với anh em lính tráng người phàm, đã tham dự Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên ngày xưa lắm. Hối ông lòi tì ơi, hãy để cho ông anh được yên nghĩ.

Dậu đỏ, bìm leo. Viết lách chữ bới, mặt sát, mọi thứ thuộc Miền Nam Việt Nam ngày trước, đã và vẫn đang là kiểu thời trang thịnh hành.

Có nhiều người viết, để vẽ lên hình ảnh mình là ... người hùng! Một số khác viết lên, để tỏ ra mình là người trí giả, là nhà tư tưởng, dựa vào cuốn Kinh Tân Ước Phạm Huấn! Riêng nhà báo vĩ đại Phạm Huấn, thì hùng dũng tỏ ra mình là nhà siêu quân sự, siêu lãnh đạo, chê bai xoa đầu từ trên xuống dưới, chả chừa một ai.

Chỉ nửa trang giấy, dẹp hết cả lực lượng một quân đoàn. Phạm Huấn luận về các ông anh, ông thầy, các ân nhân của chính anh ta, như Gia Cát Khổng Minh nói về các mặt tướng Trương Phi, Ngụy Diên!

Anh Phạm Huấn chỉ quên có một đôi điều nho nhỏ. Thật nhỏ. Nhỏ xíu. Vì tầm mắt anh không thấy, mặc dù anh vẫn mặc quân phục tác chiến Nhảy Dù, mang lon Thiếu Tá của QLVNCH làm việc tại Ủy Ban Quân Sự 2 bên, 4 bên. Đó là việc Lập Pháp Mỹ, qua Quốc Hội Dân Chủ ngày đó, đã cúp hết viện trợ quân sự cho QLVNCH từ mùa hè 1973!

Đó là việc Hành Pháp Mỹ, qua tên Do Thái nói ngọng Henry Kissinger, đã công khai đứng về phía Lê Đức Thọ và Nguyễn

Thị Bình, để bức thúc Hòa Đàm Ba Lê, bức tử VNCH. Cho nên, chuyện gì phải đến, đã đến. Theo Mỹ và Trung Cộng, chuyện đó, đáng lẽ phải xảy ra sớm hơn ...

Trong hoàn cảnh đó, nếu rước đại ký giả Phạm Huấn vào Dinh Độc Lập, liệu đương sự gồng được mấy phút? Trong hoàn cảnh đó, nếu mời nhà báo Phạm Huấn sang Bộ Ngoại Giao, liệu ông anh gồng được mấy giờ? Trong hoàn cảnh đó, nếu phong cho Thiếu Tá Phạm Huấn thay thế Đại Tướng Cao Văn Viên, Thiếu Thuần có lãnh đạo một tiểu đội ngày giờ nào chưa?

Các ông lính thợ vịn, ăn lương quân đội Miền Nam, mặt sát các đơn vị quân đội Miền Nam, nhưng chả bao giờ biết chút gì về các đơn vị này. Mặt sát, vì ganh tị, vì mất mát.

Bất cứ ai thật sự có trải qua những tháng ngày gạo sậy nước ruộng, đều biết rằng, cùng một cỡ đơn vị, cùng hỏa lực xấp xỉ nhau, bộ đội cộng sản chưa hề là đối thủ của Quân Đội Quốc Gia, dù là chính quy, hay địa phương, dù là TQLC, BĐQ, hay Bộ Binh, Không Quân, Hải Quân. Chiến thuật của cộng sản, có hai chữ “biển người”, là vì vậy.

Một phần ba thế kỷ đã trôi qua, bao nhiêu tài liệu đã được giải mật. Henry Kissinger trước sau ba lần thú nhận, đã bán đứng Nam Việt Nam. Lính tráng chúng tôi, là người phàm mắt thịt, chả nói làm chi. Còn các ông nhà văn, nhà báo, nhà bình luận: chất xám các ông để đâu, nấu bún ốc hết rồi chẳng? Bây giờ không còn có bom rơi đạn rớt, mà còn phù thịnh, còn nói vuốt theo Văn Tiến Dũng, thì làm sao ngày xưa các ông dám phù suy, mà san sẻ đỡ đần phần nhỏ mọn mồ hôi nước mắt nào với Quân Dân Miền Nam? Bây giờ mà còn nói vuốt theo Văn Tiến Dũng, là vô liêm, là bất trí, vì sách của cộng sản đề tên Văn Tiến Dũng, chỉ là tài liệu soạn thảo công phu nhằm mục đích tuyên truyền ...

Thảm cảnh tháng tư, người khách quan, không ganh tị, không cảm rằm bệnh hoạn, ai cũng thấy là vì hai lý do: Thứ nhất: Dân chúng nghe quân cộng sản tiến đến gần, đã kinh hoàng, đưa tới náo loạn. Có đúng vậy không, thưa Quý Vị? Và thứ

hai: các đơn vị quân đội lại không có được những tiếp liệu, yểm trợ và hỏa lực tối thiểu nữa, để chu toàn nhiệm vụ chiến thuật được giao phó, vì QLVNCH đã bị cúp quân viện từ năm 1973, chỉ còn cầm hơi, “liệu cơm gắp mắm”!

Mùa hè năm sau, Trung Tướng Tùy Viên Quân Sự tòa Đại Sứ Anh Quốc ra thăm hỏa tuyến, có ghé qua Bộ Chỉ Huy LĐ2ND ở phía nam sông Thạch Hãn. Nghe thuyết trình xong, ông đứng lên trước bản đồ, quay lại nói trước mặt tôi và đồng đủ sĩ quan tham mưu hiện diện:

“Giới quan sát quốc tế cho rằng, các ông không tồn tại nổi quá 6 tháng, sau Hiệp Định Ba Lê. Bây giờ, hơn một năm đã trôi qua ...”. Bây giờ, là tháng 7 năm 1974.

Suốt chiều dài cuộc chiến, người lính mồ hôi, xương máu. Người dân quần quai, thống khổ điêu linh. Còn các ông thợ vịn, lính kiềng, sống phè phỡn ngay trong lòng Hòn Ngọc Viễn Đông, ăn tục nói phét, làm chơi ăn thiệt. Bây giờ, mồ ma Miền Nam Việt Nam không còn nữa, các ông muốn ăn thiệt, thì phải bỏ ra làm thiệt, dù là ăn ... welfare! Nên các ông tiếc nuôi cái thời vàng son, sáng Thanh Thế, trưa Givral, chiều Đồng Khánh. Và các ông cay cú, các ông hằn học ...

Có nhiều lý do làm sụp đổ Miền Nam.

Trước hết, là bàn tay lông lá của Mỹ Nga Tàu, và xuẩn vọng của tên đồ tể họ Hồ.

Kế đến, là những tham nhũng thối nát, mà các ông đã ngoắc mồm ra chửi bới hơn ba chục năm qua. Mỹ, Pháp, Nga, Tàu, và nhất là cộng sản Việt Nam bây giờ, có thối nát tham nhũng hay không?

Lý do thứ ba, là đám làm chơi ăn thiệt, là lũ kiêu binh hàm thụ. Là đám sâu bọ, dòi mọt, cặn bã của một Quân Đội hào hùng. Một Quân Đội “cao số” đã bị lịch sử cận đại trao cho một sứ mạng oan khiên, một “mission impossible” ... Những tên né tránh, đánh bóng chữ thọ, những bụi chùm gởi nặng trĩu trên thân cây gậy yếu Nam Việt Nam trước cơn giông bão, không có tư cách mở mồm về đoàn quân này.

Các cụ thường nói “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân”. Các ông suốt đời chỉ trích ta bà thế giới. Sao các ông không dám nói, chính các ông mới là thủ phạm, mới là tội đồ thiên thu, làm Miền Nam nước Việt sụp đổ vào tay cộng sản.

Nhân vô thập toàn, ai cũng có lúc lầm lỗi. Và lại, cái “lỗi lầm” của Miền Nam Việt Nam, nếu có, là phần chính do cái thân phận nhược tiểu mà ra. Hàng trăm nước nhỏ trên thế giới, đã và còn đang đau khổ về cái “lỗi lầm” nhược tiểu này. Miền Nam Việt Nam không còn nữa. Bây giờ đây, trách nhiệm đối với lịch sử và dân tộc, đang treo trên đầu bọn cầm quyền ở Hà Nội.

Năm 1965, tôi đi học khóa “Tác Chiến Trong Rừng” ở Mã Lai, Singapore. Việt Nam lúc bấy giờ đang khói lửa mịt mù, nhưng tôi thấy vẫn còn “văn miên” hơn năm nước Đông Nam Á. Bây giờ, các nước đó đã là “Ngũ Long Thái Bình Dương”. Cộng sản chiếm trọn lãnh thổ hình chữ “S” đã một phần ba thế kỷ qua, không còn chiến tranh, lại được “Việt Kiều Phản Động” hằng năm giúp nhiều tỉ đô-la. Vậy mà bọn cầm quyền Cộng sản đã đưa Việt Nam, cũng vào thứ hạng số 5 trên thế giới: nhưng là thứ năm, đếm từ dưới lên trên!

Tiếng nói của hải ngoại rất cần thiết. Quý Vị nào có sức, có trí, có “gu”, muốn phân tách, muốn sửa sai, muốn dạy dỗ, thì Hà Nội mới là hướng để quý vị trở tài. Xin hãy thôi dè Miền Nam Việt Nam ra mà xia xói, mà kiêu binh cái lỗ mồm! Thế tham thay, chỉ vì một lý do: dôi gạt luôn chính lòng mình. Tôi không dám nói là, dôi gạt chính lương tâm mình! Vì chi có trời, họa chẳng mới biết, các ngài có lương tâm hay không!

Tội nghiệp cho Miền Nam Việt Nam, đã bao năm tháng cuu mang, nâng niu, đãi ngộ các ông, kaki cũng như dân chính! Hít thở không khí tự do của Miền Nam, Trịnh Công Sơn đã dệt lên được những tình khúc bất hủ. Ngày Miền Nam Nước Việt sụp đổ, Trịnh Công Sơn lên đài phát thanh, phùng phùng guitar, ca bài “Nói Vòng Tay Lớn”. Rồi lặn ngụp trong “vòng tay lớn” của xã hội chủ nghĩa một thời gian, chính Trịnh Công

Son đã mưa ra một ca khúc, chưa bao giờ nghe thấy trong âm nhạc nhân gian: “*Tiến Thối Lương Nan*”!...

Sau cùng, trên “đỉnh cao trí tuệ” của thời trang mặt sắt Miền Nam Việt Nam, là các ... chiến lược gia. Thôi thì, xuân thu nhị kỳ, luận đủ thứ chuyện chiến lược thiên trời địa đất. Cũng chỉ cùng một kiểu: mặt sắt hết mọi sự của Miền Nam Việt Nam. Để mình cố nhón cao lên, vì biết chắc rằng mình không đủ cao. Để tỏ ra mình là người thức giả, vì biết mình đang tơ lơ mơ, không thức thật. Càng phải trực diện với việc áo cơm thân phận hằng ngày, nổi nuôi tiếc mất mát thời vàng son, càng điên cuồng gào thét, dằn vặt, gậm nhấm.

Khổ một điều, vì không biết đọc địa bàn, nên không phân biệt nổi hướng đông với hướng tây, để mà bắn cái hi-nô ái-ô vô duyên đó đi. Và cứ nhằm mọi thứ của Miền Nam Việt Nam mà phang ...

Đại Sứ Hoa Kỳ sau cùng tại Miền Nam Việt Nam năm 1975, ông Graham Martin, không như vậy. Ông đâu có muốn sự nghiệp ngoại giao trọn đời của ông, kết thúc cái kiểu này. Giờ phút cuối của Miền Nam Việt Nam, ông cũng chỉ kịp cuốn lấy lá cờ hoa. Bộ Tư Lệnh Quân Sự Mỹ (MACV) tại Saigon, thì đã nhanh chân “rút lui trong danh dự” ra soái hạm của Đệ Thất Hạm Đội từ năm trước!

Cho nên, xin lỗi Quý Vị, ông Đại Sứ Martin cũng chạy sút quần, ra tàu USS Blue Ridge ngoài khơi biển đông, bước đến boong tàu ngồi thờ. Được cái là, ông Đại Sứ biết đọc địa bàn. Ông biết rõ phương, để mà ngậm ngùi. Ông biết rõ hướng, để mà thống trách. Thờ xong, ông chỉ vào lá cờ hoa, rồi mắng cho mấy mắng:

“That's not the way I saw American Honor”!

Lê Minh Ngọc

Tháng 4/2007